

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS-ST

Ngày: 29-12-2022

“V/v tranh chấp dân sự về hợp
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Khanh;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An - Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh
Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2022/TLST-DS ngày 18
tháng 10 năm 2022 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 195/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm
2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn B, sinh năm: 1972, nơi cư trú: Số 113/5, khóm
H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Huỳnh Văn P, sinh năm: 1977, có mặt;
Bà Lê Thị Thanh G, sinh năm: 1980, vắng mặt;

Cùng cư trú: T5, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A.

Đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị Thanh G: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm
1977, nơi cư trú: T5, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A theo Hợp đồng ủy quyền
được công chứng tại Văn phòng Công chứng Lê Trung Hậu ngày 01/12/2022, số
552 – Quyền số 02/2022TP/CC-SCC/HĐGD, có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Huỳnh Thị N, sinh năm
1974, Số 113/5, khóm H, thị trấn N, huyện T, tỉnh A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2022 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Phan Văn B trình bày:* Giữa ông và ông P, bà G là chỗ quen biết, ông là người nhận vận chuyển bò cho ông P mua từ Campuchia về để bán. Vào tháng 06/2019 – âm lịch, ông cho vợ chồng ông P, bà G mượn số tiền 132.000.000 đồng. Thông thường sau chuyển mua bán bò khoảng 01 đến 02 ngày thì ông P sẽ trả đủ, nên không có thỏa thuận tính lãi suất gì. Đến đợt cuối là tháng 6/2019 – âm lịch, ông P còn thiếu số tiền 132.000.000 đồng.

Nên ngày 01/01/2020, vợ chồng ông P và bà G đến gặp xin hẹn trả dần và mỗi tháng trả lãi là 2.500.000 đồng, có lập biên nhận do ông P tự ghi và bà G cùng ký tên, nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Từ tháng 01/2020 đến tháng 07/2022, ông P có trả tiền lãi được 75.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả ngay số tiền vay còn thiếu là 132.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

- Về tài liệu chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu: Biên nhận do ông P tự ghi và bà G cùng ký tên, ghi ngày 01/01/2020.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Huỳnh Văn P trình bày:* Giữa ông và vợ Lê Thị Thanh G với nguyên đơn Phan Văn B là chỗ quen biết, làm ăn mua bán bò với nhau. Vào tháng 06/2021 – âm lịch có nhờ ông B hỏi vay số tiền nhiều lần, mục đích vay: để làm vốn mua bán bò, nhưng do dịch bệnh Covid – 19 xảy ra, việc mua bán bò từ Campuchia về Việt Nam không được, dẫn đến vợ, chồng ông mua bán thua lỗ nên không có khả năng thanh toán số tiền nợ với ông B.

Đến ngày 01/01/2020 vợ, chồng bà mới ghi biên nhận nợ với ông B tổng cộng còn nợ số tiền 132.000.000 đồng. Tờ biên nhận này do ông P ghi và cùng ký tên với bà G, theo đó thỏa thuận trả cho ông B tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất 1,9%/tháng nhưng không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Vợ, chồng ông trả lãi từ tháng 01/2020 đến tháng 07/2022 là 30 tháng, với số tiền đã trả được 75.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng cho ông B thì ông không tranh chấp và không yêu cầu điều chỉnh lại.

Ông P thừa nhận vợ chồng ông còn thiếu ông B số tiền vay là 132.000.000 đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn làm ăn thua lỗ, xin trả vốn mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

** Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Lê Thị Thanh G ủy quyền cho ông Huỳnh Văn P làm đại diện, trong quá trình giải quyết bị đơn bà Lê Thị Thanh G có ý kiến như sau:* Bà thống nhất với ý kiến trình bày của chồng là ông Huỳnh Văn P, bà thừa nhận có ký tên vào tờ biên nhận ghi ngày 01/01/2020 do ông P ghi và bà cùng ký tên, theo đó thỏa thuận trả cho ông P tiền lãi mỗi tháng là 2.500.000 đồng, tương đương lãi suất 1,9%/tháng. Vợ, chồng bà trả tiền lãi từ tháng 01/2020 đến tháng 07/2022 là 30 tháng được 75.000.000 đồng. Đối với số tiền lãi đã đóng cho ông B thì bà không tranh chấp và không yêu cầu điều chỉnh.

Bị đơn thừa nhận còn thiếu nguyên đơn số tiền vay là 132.000.000 đồng, nhưng hiện nay hoàn cảnh khó khăn làm ăn thua lỗ, xin trả vốn mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị N trình bày:* Bà là vợ của ông Phan Văn B, bà thống nhất với ý kiến trình bày và yêu cầu của ông Phan Văn B, không có ý kiến gì khác.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng vay: Xuất phát từ chỗ quen biết cùng làm ăn với nhau, nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền 132.000.000 đồng. Đến tháng 6/2019 – âm lịch, bị đơn không có khả năng trả nợ. Nên ngày 01/01/2020, bị đơn có ghi biên nhận nợ nguyên đơn số tiền 132.000.000 đồng có bà G cùng ký tên. Như vậy, hợp đồng này được các bên xác lập trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên nguyên đơn yêu cầu là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bị đơn có nơi cư trú tại t5, khóm H, thị trấn N, huyện T theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay, thuộc trường hợp tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Do đó, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng yêu cầu này là giao dịch dân sự, đối tượng là vay tiền theo quy định Điều 463 Bộ luật dân sự. Theo quy định điều 119 Bộ luật dân sự quy định có thể thực hiện bằng thỏa thuận, không quy định bắt buộc về hình thức, việc giao dịch không vi phạm điều kiện của hợp đồng theo khoản 1 Điều 117 Bộ luật dân sự, nên hợp đồng có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết.

Về hợp đồng vay thấy rằng, xuất phát từ chỗ quen biết nhau bị đơn có nhu cầu vay tiền nhằm mục đích để làm vốn mua bán bò nên có vay của nguyên đơn, việc thỏa thuận vay kéo dài từ nhiều năm thông thường sau chuyển mua bán bò khoảng 01 đến 02 ngày thì bị đơn sẽ trả đủ, không thỏa thuận tính lãi suất. Đến tháng 6/2019 – âm lịch, bị đơn không có khả năng trả nợ nên ngày 01/01/2020, bị đơn có ghi biên nhận nợ nguyên đơn số tiền 132.000.000 đồng có bà G cùng ký tên theo biên nhận có nội dung: *“Tôi tên: Huỳnh Văn P và vợ là Lê Thị Thanh G có nợ anh chị Bảy số tiền là 132.000.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu chẵn). Tôi đồng ý đóng lãi hàng tháng khi nào có tiền tôi sẽ trả đủ”*. Như vậy, giữa các bên xác lập lại bằng hợp đồng vay từ ngày 01/01/2020, việc thỏa thuận hợp đồng vay là không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự. Việc giao kết hợp đồng vay trên cơ sở tự nguyện; nội dung không trái pháp luật, đạo đức xã hội; các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác định bị đơn còn nợ tiền vay 132.000.000 đồng, điều này phù hợp với tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là biên nhận ghi ngày 01/01/2020. Đồng thời, cũng được ông P và bà G thừa nhận, đây là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Như vậy, có cơ sở xác định được ông P, bà G còn nợ ông B tiền vay là 132.000.000 đồng.

[2.2] Về nghĩa vụ trả nợ:

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: *“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ nên có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn số tiền vay còn nợ là phù hợp.

[2.3] Về lãi suất: Đối với tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn từ tháng 01/2020 đến tháng 07/2022 được 75.000.000 đồng nhưng không yêu cầu điều chỉnh, đồng thời nguyên đơn cũng không yêu cầu tính lãi suất từ thời điểm tháng 08/2022 đến khi xét xử nên không xem xét.

Theo ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông P, bà G có nghĩa vụ trả cho ông P số tiền vay còn nợ là 132.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch theo đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn B đối với bị đơn ông Huỳnh Văn P, bà Lê Thị Thanh G.

- Buộc bị đơn ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị Thanh G có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Phan Văn B số tiền vay vốn còn nợ là 132.000.000đ (*Một trăm, ba mươi hai triệu đồng*).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn P và bà Lê Thị Thanh G phải chịu 6.600.000đ (*Sáu triệu, sáu trăm ngàn đồng*) tiền án phí.

Ông Phan Văn B được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 3.300.000đ (*Ba triệu, ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0008678 ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2

Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Tịnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- THADS h. Tịnh Biên;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ